

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thanh Xuân

2. Bà Trần Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TL.ST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Ngọc D

Địa chỉ: Ấp VP, xã VT, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Phan Văn P

Địa chỉ: Ấp Nhơn Thuận 1B, xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị D trình bày: Chị và anh Phan Văn P tổ chức đám cưới vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng về sau cuộc sống đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Do vậy chị làm đơn xin được ly hôn với anh Phan Văn P.

Về con chung: không có;

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình tố tụng bị đơn Phan Văn P vắng mặt và có tự khai như sau: Anh và chị D tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2016. Vợ chồng chung sống đến

đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cự cãi. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Tình cảm giữa anh và chị D không thể hàn gắn được. Gia đình hai bên cũng yêu cầu gặp mặt để giải quyết mâu thuẫn và mâu thuẫn không giải quyết được anh đồng ý ly hôn. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt và cam kết không khiếu nại việc giải quyết vắng mặt này.

Về con chung cũng như tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định pháp luật; nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nhưng có ghi nhận được ý kiến của bị đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy hôn nhân giữa chị D và anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống do chị D và anh P không còn thấy hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ để chấp nhận. Về con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự khai thông nhất không có nên không đặt ra xem xét.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh P. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét. Về án phí chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Trần Thị Ngọc D và anh Phan Văn P do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Ngọc D và anh Phan Văn P vắng mặt. Tuy nhiên, hai anh chị đều có yêu cầu xin được giải quyết vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị D và anh P được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống chị D và anh P đều xác định vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, cuộc sống chung

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy khi chị D có yêu cầu ly hôn, anh P cũng thống nhất và không mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh P đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D.

[4] Về con chung: các đương sự khai thống nhất không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh P khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị D phải chịu là 300.000 đồng.

[7]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần thị Ngọc D được ly hôn với anh Phan Văn P.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai số 0018871 ngày 08/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên